

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2019
của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bình Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”;

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bình Sơn;

Theo đề nghị của Trưởng cơ quan Tổ chức - Nội vụ, Cơ quan Thường trực Hội đồng đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp xã năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bình Sơn (chi tiết tại các biểu mẫu và phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2019, UBND các xã, thị trấn tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm; có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của địa phương trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng huyện, Trưởng cơ quan Tổ chức - Nội vụ; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi;
- TTHU, HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VPH: CVP, PCVP, CVNV;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Đỗ Thiết Khiêm

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM
2019 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN**

(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2020 của
Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn*)

Biểu 01

STT	UBND xã	Kết quả đánh giá năm 2019				
		Điểm tự đánh giá của xã (tối đa 65 điểm)	Điểm UBND huyện thẩm định (tối đa 65 điểm)	Điểm điều tra XHH (tối đa 35 điểm)	Tổng điểm đạt được (tối đa 100 điểm)	Thứ hạng đạt được
1	Thị trấn Châu Ô	55	51.9	28.6	80.5	1
2	Bình Dương	62	53.9	26.5	80.4	2
3	Bình Thanh Tây	57.82	51.67	27.8	79.47	3
4	Bình Chương	56.5	50.6	27.85	78.45	4
5	Bình Mỹ	56.3	50.35	27.1	77.45	5
6	Bình Minh	63.5	48.9	26.15	75.05	6
7	Bình Trung	57.5	50.85	24.1	74.95	7
8	Bình Thuận	53.33	50.83	24	74.83	8
9	Bình Trị	57	51.1	23.4	74.5	9
10	Bình Phước	62	50.35	24.15	74.5	9
11	Bình Thới	57.4	49.75	24.6	74.35	11
12	Bình Đông	50.5	49.4	24.55	73.95	12
13	Bình Phú	54.5	48.9	25.05	73.95	12
14	Bình Tân	56.5	50.85	22.95	73.8	14
15	Bình Long	58.5	50.1	23	73.1	15
16	Bình Chánh	55	48.35	24	72.35	16
17	Bình Nguyên	62	49.3	23	72.3	17
18	Bình Hòa	51.05	48.5	23.55	72.05	18
19	Bình Thạnh	56	47.35	23.4	70.75	19
20	Bình Thanh Đông	58	47.75	23	70.75	19
21	Bình Khương	52.65	46.8	21.85	68.65	21
22	Bình Hải	50.37	45.17	22.95	68.12	22
23	Bình Hiệp	45	43.8	23.05	66.85	23
24	Bình An	55.15	44.75	21.8	66.55	24
25	Bình Châu	44.5	44.6	19.2	63.8	25
	Điểm trung bình	55.62	49.03	24.22	73.25	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CÀI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019
CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN CHỖA THEO TỪNG LĨNH VỰC**

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn)

UBND huyện đánh giá các tiêu chí

Số TT	UBND xã, thị trấn	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (tối đa 11,5 điểm)		Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL (tối đa 5 điểm)		Cải cách thủ tục hành chính (tối đa 13 điểm)		Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa 4,5 điểm)		Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC (tối đa 9,5 điểm)		Cải cách tài chính công (tối đa 4,5 điểm)		Hiện đại hóa nền hành chính (tối đa 14,5 điểm)		Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KTXH của xã (tối đa 2,5 điểm)		Tổng điểm đánh giá 8 tiêu chí (tối đa 65 điểm)		Điểm điều tra XHH (tối đa 35 điểm)	Tổng cộng điểm đánh giá và điều tra XHH (tối đa 100 điểm)
		Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ		
1	Thị trấn Châu Ô	6.9	15	4.5	14	10.5	3	4.5	1	9	11	3.5	1	10.5	1	2.5	1	51.9	2	28.6	80.5
2	Bình Dương	8.4	3	5	1	10.5	3	4.5	1	9.5	1	3.5	1	10.5	1	2	2	53.9	1	26.5	80.4
3	Bình Thanh Tây	7.85	4	5	1	10.5	3	4.5	1	9.5	1	3.32	18	9	11	2	2	51.67	6	27.8	79.47
4	Bình Chương	7.1	12	4.5	14	10.5	3	4.5	1	9.5	1	3.5	1	9	11	2	2	50.6	11	27.85	78.45
5	Bình Mỹ	9.35	1	5	1	9.5	19	4	14	9.5	1	3.5	1	7.5	23	2	2	50.35	7	27.1	77.45
6	Bình Minh	6.9	15	5	1	10.5	3	3.5	16	8.5	20	3.5	1	9.5	7	1.5	14	48.9	15	26.15	75.05
7	Bình Trung	7.35	9	5	1	10.5	3	3.5	16	9	11	3.5	1	10	3	2	2	50.85	5	24.1	74.95
8	Bình Thuận	7.83	6	5	1	10.5	3	4.5	1	9	11	3.5	1	9	11	1.5	14	50.83	3	24	74.83
9	Bình Trì	7.1	12	4.5	14	10.5	3	4.5	1	9.5	1	3.5	1	10	3	1.5	14	51.1	4	23.4	74.5
10	Bình Phước	7.85	4	5	1	10.5	3	3.5	16	9	11	3.5	1	9	11	2	2	50.35	13	24.15	74.5

Biểu 1

Số TT	UBND huyện đánh giá các tiêu chí														Điểm điều tra XHH (tối đa 35 điểm)	Tổng cộng điểm đánh giá và điều tra XHH (tối đa 100 điểm)	Xếp hạng			
	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (tối đa 11,5 điểm)		Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL (tối đa 5 điểm)		Cải cách thủ tục hành chính (tối đa 13 điểm)		Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa 4,5 điểm)		Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBC (tối đa 9,5 điểm)		Cải cách tài chính công (tối đa 4,5 điểm)		Hiện đại hóa nền hành chính (tối đa 14,5 điểm)					Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KTXH của xã (tối đa 2,5 điểm)		Tổng điểm đánh giá 8 tiêu chí (tối đa 65 điểm)
	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ				Điểm	Vị thứ	
1	6.35	22	5	1	10	16	4.5	1	9	11	3.5	1	9.9	6	1.5	14	49.75	10	74.35	11
2	6.9	15	3.5	23	10.5	3	4.5	1	9.5	1	3.5	1	9.5	7	1.5	14	49.4	12	73.95	12
3	7.4	8	4	19	11	1	4.5	1	9	11	2.5	24	9	11	1.5	14	48.9	16	73.95	12
4	8.85	2	5	1	10.5	3	4	14	9	11	3	19	9	11	1.5	14	50.85	9	73.8	14
5	7.6	7	5	1	9	24	3.5	16	9.5	1	3.5	1	10	3	2	2	50.1	8	73.1	15
6	6.35	22	4	19	10.5	3	4.5	1	9.5	1	3.5	1	8.5	19	1.5	14	48.35	19	72.35	16
7	6.3	24	4.5	14	9.5	19	4.5	1	9.5	1	3.5	1	9.5	7	2	2	49.3	14	72.3	17
8	7.35	9	5	1	10.15	2	4.5	1	9	11	3.5	1	7.5	23	1.5	14	48.5	18	72.05	18
9	6.85	18	4.5	14	10	16	3.5	16	8.5	20	3	19	9	11	2	2	47.35	21	70.75	19
10	7.25	11	3.5	23	10.5	3	4.5	1	9.5	1	3	19	8.5	19	1	25	47.75	20	70.75	19
Bình Khương	6.6	20	3.7	22	9.5	19	3.5	16	9	11	3.5	1	9	11	2	2	46.8	17	68.65	21
Bình Hải	6.8	19	5	1	8.5	25	2.5	25	8	23	3	19	9.37	10	2	2	45.17	22	68.12	22
Bình Hiệp	6.3	24	4	19	9.5	19	3.5	16	8	23	3.5	1	7.5	23	1.5	14	43.8	23	66.85	23
Bình An	6.55	21	4.7	13	10	16	3	24	8	23	2	25	8.5	19	2	2	44.75	24	66.55	24
Bình Châu	7.1	12	3	25	9.5	19	3.5	16	8.5	20	3	19	8.5	19	1.5	14	44.6	25	63.8	25
Điểm trung bình	7.20		4.50		10.10		4.00		9.02		3.30		9.09		1.76		49.03		73.25	